

Bản án số: 24/2024/DS-ST  
Ngày 11-9- 2024  
Về "T/c quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Kim Thương;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Văn Thắng;

Bà Phan Thị Gái.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Hồng Huệ- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- **Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tố Ly- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 25/2024/TLST- DS ngày 20/5/2024, về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu; hủy quyết định hành chính cá biệt*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Bùi V; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị.

*Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đức T- địa chỉ: Khu phố A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị và ông Trần Xuân V1, địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị; ông T vắng mặt, ông V1 có mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Hồ Thế L, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q: địa chỉ: Phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: thị trấn Á, huyện T, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Trịnh Thị Diệu U, anh Bùi V2, chị Bùi Thị S; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; bà U có mặt, anh V2 và chị S xin vắng mặt.

+ Chị Võ Thị T1; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị.

+ Bà Bùi Thị T2 và ông Hồ T3; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị.

*Người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ của ông T3:* Bà Bùi Thị T2, anh Hồ Thế T4; anh Hồ Hải H, anh Hồ Thế L; chị Nguyễn Thị Thái H1, chị Hồ Thị Tường V3, sinh năm: 2002; chị Hồ Nguyễn Quỳnh A, sinh năm: 2008; anh Hồ Phúc T5, sinh năm: 2014; cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà T2, chị T1, anh T4, anh H, chị H1, chị V3, chị A, anh T5:* Anh Hồ Thế L; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

### ***1. Theo đơn khởi kiện ngày 14/5/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi V trình bày:***

Hộ gia đình ông V được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T giao quyền sử dụng đất theo Quyết định số 34/QĐ-UB ngày 16/4/1999 và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 654322, diện tích 400m<sup>2</sup> (200m<sup>2</sup> đất ở, 200m<sup>2</sup> đất vườn) tại thửa 139, tờ bản đồ số 11, tại khu vực xóm M, thôn T (nay là T), xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Sau khi được cấp đất ông V không làm nhà mà trồng khoai, sắn.

Năm 2000, bố của ông V (*ông Bùi T6*) đã cho ông Hồ Thuận M một phần diện tích đất để làm quán tạm kinh doanh buôn bán, ông T3 cam kết lúc nào gia đình ông V muốn lấy lại sử dụng thì ông T3 tháo dỡ cửa hàng để trả lại. Do bà con nên hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập văn bản cho mượn.

Năm 2022, ông V yêu cầu ông T3 trả đất nhưng anh Hồ Thế L con ông T3 không trả vì ông T3 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã làm thủ tục tặng cho anh L.

Sau khi tìm hiểu được biết thửa đất ông T3 mượn đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 736574 cho hộ ông Hồ T3, bà Bùi Thị T2.

*Ông Bùi V khởi kiện, yêu cầu:*

+ Buộc anh Hồ Thế L trả lại phần diện tích đất 189,9m<sup>2</sup> thuộc thửa 139, tờ bản đồ số 11, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O654322 cấp cho hộ ông

Bùi V năm 1999, trường hợp không trả đất thì trả khoản tiền tương ứng diện tích đất sử dụng giá trị 500.000.000 đồng.

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 736574 ngày 30/8/2005 do UBND huyện T cấp cho hộ ông Hồ T3;

+ Hủy Quyết định số 658/QĐ-UB ngày 30/8/2005 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hồ T3 và bà Bùi Thị T2.

+ Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Hồ T3, bà Bùi Thị T2 với anh Hồ Thế L vô hiệu;

+ Hủy chính lý T7 4 mang tên Hồ Thế L trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Hồ T3.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu bị đơn trả khoản tiền tương ứng diện tích đất sử dụng giá trị 500.000.000 đồng.

**2. Bị đơn anh Hồ Thế L trình bày:** Gia đình anh L sinh sống, làm nhà ở trên thửa đất từ năm 1998, đất được nhà nước giao, không mượn của ai, năm 2004 bố mẹ anh L là ông Hồ T3, bà Bùi Thị T2 có đơn xin cấp đất; ngày 30/8/2005 được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 736574 diện tích 170m<sup>2</sup> thửa đất số 689, tờ bản đồ số 11 (*cấp trên thửa đất ông T3 đang có nhà ở*). Gia đình ông T3 ở ổn định từ đó đến năm 2022, ông T3, bà Tạo lập hợp đồng tặng cho anh L, đã được chính lý T7 4 ngày 07/12/2022. Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**3.1. Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:** Thửa đất 139, tờ bản đồ số 11 được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O654322 ngày 16/4/1999 cho hộ ông Bùi V diện tích 400m<sup>2</sup> và diện tích 170m<sup>2</sup> cấp ngày 30/8/2005 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 736574 cho ông Hồ T3 thuộc thửa đất số 689, tờ bản đồ 11 không cùng 1 thửa.

**3.2. Ủy ban nhân dân xã T trình bày:** Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Hồ T3, bà Bùi Thị T2 với bên được tặng cho anh Hồ Thế L đã được chứng thực ngày 16/11/2022 tại UBND xã T, vào sổ chứng thực số 146 quyền số 01/2022-SCT/HĐ, GD. Nội dung và hình thức của Hợp đồng phù hợp, không vi phạm quy định pháp luật.

**3.3. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q trình bày:** Ông Hồ T3, bà Bùi Thị T2 sử dụng thửa đất được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 736574 ngày 30/8/2005, diện tích 170m<sup>2</sup> thửa đất số 689, tờ bản đồ 11 tại xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Ngày 16/11/2022, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T nhận hồ sơ đăng ký biến động của ông Hồ Thế L do nhận tặng

cho quyền sử dụng đất của ông Hồ T3, bà Bùi Thị T2. Sau khi kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T đã thực hiện chỉnh lý Trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 736574 cho anh Hồ Thế L theo đúng quy định pháp luật.

*3.3. Bà Trịnh Thị Diệu U có ý kiến trình bày giống nguyên đơn.*

*3.4. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ủy quyền cho anh L có ý kiến trình bày giống anh L.*

**4. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tại phiên tòa:**

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách người tham gia tố tụng; tiến hành thu thập, kiểm tra giao nộp, công khai chứng cứ, thủ tục hòa giải, xem xét thẩm định tại chỗ và quyết định đưa vụ án ra xét xử; việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Điều 63 Bộ luật tố tụng dân sự; trình tự, thủ tục phiên tòa đảm bảo; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 36 Luật Đất đai 1993, Điều 166, Điều 170, Điều 188 Luật Đất đai 2013; căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi V về việc:

+ Buộc ông Hồ Thế L trả lại phần diện tích đất 189,9m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 139, tờ bản đồ số 11, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 654322 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ Bùi V năm 1999;

+ Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 07/12/2022 đối với thửa đất số 689, tờ bản đồ số 11, diện tích 170m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 736547 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp năm 2005 giữa ông Hồ T3, bà Bùi Thị T2 và anh Hồ Thế L vô hiệu.

+ Hủy Quyết định số 658/QĐ-UB ngày 30/8/2005 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hồ T3 và bà Bùi Thị T2.

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 736574 ngày 30/8/2005 do UBND huyện T cấp cho hộ ông Hồ T3, bà Bùi Thị T2.

+ Hủy nội dung trang 4, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 736574 ngày 30/8/2005 do UBND huyện T cấp cho hộ ông Hồ T3, bà Bùi Thị T2 với nội

dung: “Tặng cho ông Hồ Thế L, sinh năm 1989, CCCD số: 045089008287; địa chỉ thường trú: xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị”.

+ Đình chỉ đối với yêu cầu: trường hợp không trả lại diện tích đất nói trên thì trả lại cho gia đình khoản tiền tương ứng với diện tích đất đang sử dụng theo giá thị trường là 500.000.000 đồng.

- Về án phí: Ông Bùi V phải chịu 300.000 đồng án phí DSST.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### [1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất 189,9m<sup>2</sup> tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Hồ T3, bà Bùi Thị T2 với anh Hồ Thế L vô hiệu và xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 736574 do UBND huyện T cấp cho cho hộ ông Hồ T3 ngày 30/8/2005. Căn cứ quy định tại khoản 9, khoản 11 Điều 26 và khoản 4 Điều 34 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu và hủy quyết định cá biệt” nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

[1.2] Sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[1.3] Xem xét phần rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Bùi Vui R yêu cầu bị đơn không trả lại diện tích đất tranh chấp bằng khoản tiền tương ứng với diện tích đất đang sử dụng theo giá thị trường là 500.000.000 đồng. Nguyên đơn rút là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ phần rút yêu cầu này.

### [2] Nội dung:

[2.1] Nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất của hộ ông Bùi V:

- Năm 1999, theo sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ban hành theo quyết định số 34/QĐ-UB ngày 16/4/1999 của T8 thể hiện thứ tự cấp giấy số 480, tên người sử dụng đất ông Bùi V, diện tích được cấp 1950m<sup>2</sup> (trong đó: 200m<sup>2</sup> đất ở, 200m<sup>2</sup> đất vườn) tại thửa 139, tờ bản đồ số 11. Còn lại đất trồng lúa và đất màu ở các thửa đất khác.

- Ngày 16/4/1999, hộ ông V được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 400m<sup>2</sup> (200m<sup>2</sup> đất ở, 200m<sup>2</sup> đất vườn) tại thửa 139, tờ bản đồ số 11 tại xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị.

Như vậy, thửa đất của ông V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1999 đến nay, không sử dụng làm nhà ở.

[2.2] Nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất của hộ ông Hồ T3:

- Theo Sổ mục kê năm 1995, ông Hồ T3 có kê khai tại thửa 139, tờ bản đồ số 11, diện tích 170m<sup>2</sup> (đất T), gia đình ông T3 làm nhà ở trên thửa đất đến năm 2004 ông T3 làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ngày 30/8/2005, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 658/QĐ-UB về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hồ T3 và bà Bùi Thị T2; ngày 30/8/2005 UBND huyện T cấp GCNQSD đất số AC 736574 cho hộ ông Hồ T3 và bà Bùi Thị T2 diện tích 170m<sup>2</sup> đất ở thuộc thửa đất số 689, tờ bản đồ số 11.

- Ngày 16/11/2022, ông Hồ T3 và bà Bùi Thị T2 đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với bên nhận tặng cho anh Hồ Thế L. Ngày 07/12/2022, được Văn phòng Đ chi nhánh huyện T chỉnh lý T7 4 nội dung “Tặng cho ông Hồ Thế L, sinh năm 1989, CCCD số: 045089008287; địa chỉ thường trú: xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị”.

Như vậy, thửa đất của ông Hồ T3 kê khai lần đầu năm 1995, làm nhà ở ổn định đến năm 2004 làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 2005 được UBND huyện T công nhận quyền sử dụng đất.

[2.3] Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ: Thửa đất tranh chấp, có ngôi nhà xây 1 tầng kiên cố hiện gia đình anh L đang sinh sống. Phần đất còn lại có 01 ngôi mộ không có chủ, và đất trống không có cây cối, ngập nước.

Tòa án xác minh hộ liền kề thửa đất tranh chấp bà Đỗ Thị L1: Gia đình bà L1 đến sinh sống trên thửa đất khoảng năm 1998-1999, thấy gia đình ông T3 làm nhà sinh sống trên thửa đất khoảng năm 2000 cho đến khi ông T3 chết, nay con ông T3 là anh L tiếp tục sinh sống trên thửa đất.

Công văn trả lời số 2965 ngày 22/7/2024 của UBND huyện T xác định qua đối chiếu hồ sơ địa chính qua các thời kỳ thì thửa đất đã cấp cho ông Bùi V và ông Hồ T3 không cùng một thửa.

[2.4] Căn cứ tài liệu UBND huyện T cung cấp và Tòa án thu thập thì Bản đồ địa chính năm 1999, thửa đất 139, tờ bản đồ 11 có diện tích 2206m<sup>2</sup>, trên bản đồ không thể hiện từng thửa nhỏ nhưng kèm theo Bản đồ có Phiếu trích thửa chia ô bằng tay, thể hiện ông V ô số 10, ông T3 ô số 11. Năm 1999, ông V được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 400m<sup>2</sup>, nằm trong thửa 139 nhưng không xác định vị trí, tọa độ cụ thể, và ông V cũng không sử dụng làm nhà ở,

không có hàng rào bao quanh thửa đất được giao. Năm 2005, lập lại Bản đồ địa chính, xác định tọa độ thì thửa đất ông T3 đăng ký năm 1995 đã làm nhà ở và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nay thuộc thửa 737, tờ bản đồ số 9; đất của ông V thuộc thửa 764, tờ bản đồ số 9 có diện tích 521m<sup>2</sup> (*quy chủ cho ông V*).

*Như vậy:* Căn cứ hồ sơ tài liệu, trên cơ sở nguồn gốc đất, hiện trạng sử dụng, kết quả thẩm định tại chỗ thì thửa đất ông T3 đăng ký kê khai từ năm 1995, làm nhà ở ổn định. Năm 2005, được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND huyện T không cấp chồng thửa đất của ông T3 lên phần đất đã cấp cho ông V. Do đó, ông V cho rằng ông T3 mượn đất của ông V để làm nhà nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, nên yêu cầu ông T3 trả lại diện tích đất 189,9m<sup>2</sup> là không có căn cứ.

[2.5] Xem xét Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Hồ T3, bà Bùi Thị T2 với anh Hồ Thế L:

Ngày 16/11/2022, ông Hồ T3, bà Bùi Thị T2 Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với bên được tặng cho anh Hồ Thế L, diện tích đất 170m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 736574 do UBND huyện T cấp cho hộ ông Hồ T3, bà Bùi Thị T2 ngày 30/8/2005, đã được UBND xã T chứng thực cùng ngày, vào sổ chứng thực số 146 quyển số 01/2022-SCT/HĐ, GD. Nội dung và hình thức của Hợp đồng phù hợp, không vi phạm quy định pháp luật, không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người khác, do đó ông V yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tặng cho này vô hiệu là không có căn cứ.

[2.6] Xem xét Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 736574 do UBND huyện T cấp cho hộ ông Hồ T3, bà Bùi Thị T2 ngày 30/8/2005, đã được chỉnh lý T7 4 ngày 07/12/2022:

Theo như nhận định, đánh giá nguồn gốc 2 thửa đất tại mục [2.1] và [2.2] thấy rằng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 736574 do UBND huyện T cấp cho hộ ông Hồ T3, bà Bùi Thị T2 ngày 30/8/2005 hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Đây là tài sản của ông T3, bà T2, do đó, ông T3, bà T2 có quyền tặng cho tài sản của mình. Anh L là người được tặng cho thông qua hợp đồng có hiệu lực pháp luật, do đó Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q- chi nhánh huyện T 4 ngày 07/12/2022 mang tên anh Hồ Thế L là đúng quy định của pháp luật. Ông V yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông T3 và chỉnh lý Trang 4 của anh L là không có căn cứ.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp thuận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Vui .

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản số tiền 12.924.000 đồng, số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận nên buộc nguyên đơn phải chịu.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật; đình chỉ phần nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn không phải chịu án phí của yêu cầu này.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 9, 11 Điều 26, khoản 4 Điều 34, Điều 157, Điều 158, Điều 165, khoản 2 Điều 227; Điều 228 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1, 5 Điều 166, Điều 170, Điều 188 Luật Đất đai 2013; Điều 117 và Điều 459 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi V, về:

+ Buộc ông Hồ Thế L trả lại phần diện tích đất 189,9m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 139, tờ bản số 11, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O654322 do UBND huyện T cấp cho hộ ông Bùi V năm 1999;

+ Hủy Quyết định số 658/QĐ-UB ngày 30/8/2005 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hồ T3 và bà Bùi Thị T2.

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 736574 ngày 30/8/2005 do UBND huyện T cấp cho hộ ông Hồ T3, bà Bùi Thị T2.

+ Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 07/12/2022 đối với thửa đất số 689, tờ bản đồ số 11, diện tích 170m<sup>2</sup>, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 736547 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp năm 2005 giữa ông Hồ T3, bà Bùi Thị T2 và anh Hồ Thế L vô hiệu.

+ Hủy nội dung trang 4, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 736574 ngày 30/8/2005 do UBND huyện T cấp cho hộ ông Hồ T3, bà Bùi Thị T2 với nội dung: “*Tặng cho ông Hồ Thế L, sinh năm 1989, CCCD số: 045089008287; địa chỉ thường trú: xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị*”.



2. Đình chỉ đối với yêu cầu buộc bị đơn trả khoản tiền tương ứng với diện tích đất đang sử dụng theo giá thị trường là 500.000.000 đồng.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Bùi V phải chịu số tiền 12.924.000 đồng. Ông V đã nộp đủ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Bùi V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.000.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí số 0000088 ngày 16/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Trả lại cho ông Bùi V tiền tạm ứng án phí còn lại là 11.700.000 đồng.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Phòng KTNV;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Tòa, H/s.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thị Kim Thương**